TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẬP THẠCH** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2017/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 9 năm 2017
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Khuyên

Bà Đặng Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Lăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 141/2017/TLST – HNGĐ ngày 07/7/2017 về việc tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Thôn Thành C, xã XH, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Chị Trần Thị Xuân M, sinh năm 1984.

Nơi cư trú : Thôn Thành C, xã XH, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 07/7/2017 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Anh kết hôn với chị M ngày 22/9/2006, trước khi cưới được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Hòa. Sau khi cưới chị T về chung sống và làm ăn cùng gia đình anh được khoảng 7 tháng thì bố, mẹ anh làm nhà cho vợ chồng ra ăn, ở riêng. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, đến tháng 8/2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất

đồng quan điểm sống nên từ đó thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau, chị M nhiều lần bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở sau đó lại trở về nhà nuôi con. Anh và chị M sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin ly hôn chị M.

Con chung: Anh và chị M có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Thịnh, sinh ngày 12/5/2007 và cháu Nguyễn Thị Xuân Mai, sinh ngày 04/11/2010, hiện cháu đang ở cùng chị M. Ly hôn, anh đề nghị để chị M nuôi cả hai cháu và anh cấp dưỡng nuôi con cùng chị M là 2.000.000đ/tháng.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Trần Thị Xuân M vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong bản tự khai ngày ngày 12/7/2017 chị trình bày:

Chị xác nhận về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống như anh T trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T đi làm xa có người phụ nữ khác và nợ nần bên ngoài nhiều nên anh thường xuyên bỏ đi không về nhà. Anh T xin ly hôn, chị không nhất trí vì chị vẫn còn tình cảm với anh T.

Về con chung: Chị xác định như anh T trình bày là đúng. Nếu ly hôn chị xin nuôi cả 02 cháu và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị 2.000.000đ/tháng cho cả hai cháu.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến giai đoạn Hội đồng xét xử, nghị án đã thực hiện đầy đủ, trình tự đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử, xử bác yêu cầu xin ly hôn của anh T.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Thanh T và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định đây là quan hệ tranh chấp Hôn nhân và gia đình "Xin ly hôn". Bị đơn là chị Trần Thị Xuân M có địa chỉ tại xã Xuân Hòa, huyện Lập Thạch nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với chị Trần Thị Xuân M nhưng chị M không đến tòa làm việc. Ngày 12/7/2017, sau nhiều lần triệu tập thì chị M mới đến làm bản tự khai và cũng từ

đó mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị M đều không chấp hành theo giấy triệu tập, thông báo phiên hòa giải và quyết định xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Thanh T và chị Trần Thị Xuân M là cuộc hôn nhân hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau nên từ đó thường xảy ra mâu thuẫn, chị M nhiều lần bỏ về nhà bố, mẹ đẻ nhưng sau đó lại quay lại để nuôi con. Anh T nợ nần nhiều nên thường bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay anh T xin ly hôn còn chị M xin đoàn tụ.

Xét tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị M mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị M xin đoàn tụ là không thực tâm, chỉ nhằm gây khó khăn để kéo dài cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, bởi lẽ trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần thông báo phiên hòa giải giữa anh T và chị M nhưng chị M đều cố tình lẩn tránh không đến tòa. Xét thấy việc chị M cố tình lẩn tránh, vắng mặt không đến Toà án để giải quyết việc anh T có đơn xin ly hôn chị, như vậy phần nào thể hiện chị M không có nguyện vọng thực tâm và biện pháp hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Do vậy yêu cầu của chị M là không có căn cứ để chấp nhận. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T là tự nguyên có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

Xét đề nghị về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của anh T và chị M là tự nguyện, có căn cứ nên được chấp nhận.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh T và chị M không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh Nguyễn Thanh T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình; Điều 357 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Cho anh Nguyễn Thanh T được ly hôn chị Trần Thị Xuân M.

Giao cho chị M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Đức Thịnh, sinh ngày 12/5/2007 và cháu Nguyễn Thị Xuân Mai, sinh ngày 04/11/2010. Buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị M là

2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 9/2017 cho đến khi các con thành niên và có thể lao động tự túc được. Sau khi ly hôn anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh T và chị M không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, chị M có đơn đề nghị thi hành án, nếu anh T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, thì còn phải chịu một khoản tiền lãi do chậm trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Anh Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0001297 ngày 07/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Anh T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án anh T có mặt có quyền kháng cáo bản để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Chị M vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bạn án hoặc niêm yết tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lập Thạch
- THA Lập Thạch.
- UBND xã Xuân Hòa
- Các đương sự
- Lưu hai bản.

Trần Hữu Lực